

Bản án số: 14/2026/HS-ST
Ngày 11- 6 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Công.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Quốc Chí.

Bà Trần Thu Hoài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Hậu - Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Tuyên Quang: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2026/TLST-HS ngày 29/4/2026 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2026/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2026 đối với các bị cáo.

1. Nông Văn P; sinh năm 1994; nơi sinh: xã Y, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; căn cước công dân số xxxxxxxxxxxx cấp ngày 22/01/2024, nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH Bộ C3; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Văn T, sinh năm 1964 và con bà Mã Thị N, sinh năm 1964; có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Không; tạm giữ ngày 02/01/2026; tạm giam ngày 11/01/2026. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh T (Có mặt).

2. Đặng Văn T1; sinh năm 1994; nơi sinh: xã Y, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn B, xã Y, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; căn cước công dân số xxxxxxxxxxxx cấp ngày 17/6/2024, nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH Bộ C3; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn P1, sinh năm 1964 và con bà Bàn Thị Q, sinh năm 1966; có 05 anh em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; có vợ Đặng Thị E, sinh năm 1995 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; tạm giữ ngày 02/01/2026; tạm giam ngày 11/01/2026. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh T (Có mặt).

3. Nguyễn Văn T2; sinh năm 1985; nơi sinh: xã Đ, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; căn cước công dân số xxxxxxxxxxxx cấp ngày 25/9/2025, nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH Bộ C3; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo:

Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thuyết M (đã chết) và con bà Dương Thị T3, sinh năm 1960; có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; vợ con: Chưa có; tiền sự: không.

Tiền án: Năm 2026 Bản án phúc thẩm số 20/2026/HS-PT ngày 08/01/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Đánh bạc; nhân thân: không; tạm giữ ngày 02/01/2026; tạm giam ngày 11/01/2026. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh T (Có mặt).

4. Hoàng Hữu B; sinh năm 1986; nơi sinh: xã C, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn P, xã C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; căn cước công dân số xxxxxxxxxxxx cấp ngày 24/6/2021, nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH Bộ C3; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Dùn S, sinh năm 1961 và con bà Hoàng Mùi C, sinh năm 1963; có 06 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; có vợ: Hoàng Thị M1, sinh năm 1987 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Bản án số 08/2015/HS-ST ngày 02/4/2015 của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; tạm giữ ngày 02/01/2026; tạm giam ngày 11/01/2026. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh T (Có mặt).

5. Triệu Cần T4; sinh năm 1987; nơi sinh: xã Đ, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; căn cước công dân số xxxxxxxxxxxx cấp ngày 10/02/2025, nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH Bộ C3; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Lồng K (đã chết) và con bà Triệu Mùi M2, sinh năm 1965; có 05 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; có vợ: Triệu Thị T5, sinh năm 2001 và có 01 con, sinh năm 2018.

Tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 14/QĐ-XPHC ngày 03/12/2025 của Công an xã C, tỉnh Tuyên Quang xử phạt về hành vi Đánh bạc, hình thức chơi Liêng, mức phạt 1.500.000 đồng

Tiền án: Bản án số 12/2019/HS-ST ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; nhân thân: không; tạm giữ ngày 02/01/2026; tạm giam ngày 11/01/2026. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh T (Có mặt).

6. Phương Văn S1; sinh năm 1996; nơi sinh: xã T, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; căn cước công dân số xxxxxxxxxxxx cấp ngày 09/5/2021, nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH Bộ C3; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phương Cần T6, sinh năm 1977 và con bà Hoàng Mùi D, sinh năm 1972; có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; có vợ Triệu Mùi D1, sinh năm 1995 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: không; tạm giữ

ngày 02/01/2026 đến ngày 11/01/2026; trước khi phạm tội đảng viên (*Đình chỉ sinh hoạt Đảng tạm thời theo Quyết định số 06-QĐ/UBKT ngày 12/02/2026 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xã Đ, tỉnh Tuyên Quang*). Hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông: Nguyễn Văn C1; sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

+ Ông: Nông Văn P2; sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

+ Ông: Hoàng Văn S2; sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn P, xã C, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 01/01/2026, Nông Văn P điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave ZX, biển kiểm soát 23H3-6293 đến thôn K, xã Đ dừng nghỉ, uống nước tại quán bán hàng tạp hóa của Phương Văn S1. Một lúc sau Đặng Văn T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner RS150R không có biển kiểm soát đi qua quán bán hàng tạp hóa của Phương Văn S1 thấy T1 ở đó. Do có quen biết nhau từ trước nên T1 dừng xe ngồi uống nước và nói chuyện cùng với P. Một lúc có Nguyễn Văn T2 đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha biển kiểm soát 29T8-2352 đến và cùng ngồi uống nước tại quán của Phương Văn S1. Trong lúc nói chuyện, Phòng nảy sinh ý định đánh bạc nên rủ T1 tham gia cùng, T1 nhất trí hỏi Phương Văn S1 xem có đánh bài (*Liêng*) tại đây được không thì S1 trả lời là không được chơi ăn tiền ở quán, nếu muốn chơi thì vào trong nhà chơi. Sau đó S1 dẫn P và T1 đi vào phòng ở góc nhà ở của S1 (*cách quán bán hàng khoảng 10 mét, trong phòng đã trải sẵn chiếu từ trước*). S1 lấy ra 01 bộ tứ lơ khơ 52 quân (*tại quầy bán hàng nhà S1*) đưa cho P và T1 chơi đánh bạc bằng hình thức đánh L ăn tiền rồi S1 đi ra ngoài, lúc này khoảng 18 giờ 30 phút ngày 01/01/2026. Nguyễn Văn T2 ngồi tại bàn nước nghe được cuộc nói chuyện của P, T1 với S1 nên nảy sinh đánh bạc, sau khi hút xong 01 điếu thuốc (*khoảng 15 phút*) thì T2 đi vào phòng đánh bạc với T1 và P. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày Hoàng Hữu B đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát 22N1-01568 đến nhà Phương Văn S1 hỏi mua xăng thì nghe thấy tiếng đánh bạc vọng từ trong nhà ra, B nảy sinh đánh bạc và đi vào phòng tham gia cùng. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày Triệu Cần T4 đi bộ qua quán bán hàng của Phương Văn S1 nghe thấy tiếng ồn vọng từ trong nhà ra. T4 đi vào trong nhà thấy Nông Văn P, Đặng Văn T1, Hoàng Hữu B, Triệu Cần T4 đang đánh bạc nảy sinh ý định đánh bạc và tham gia cùng.

Cách thức đánh bạc: Hình thức chơi “Liêng” sử dụng 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 lá, theo thỏa thuận trước khi chơi mỗi người bỏ tiền ra đặt cược 50.000 đồng (*Năm mươi nghìn đồng*), ai cao điểm nhất được toàn bộ tiền cược 01 ván đề xuống chiếu gọi là góp “gà”, sau khi chia mỗi người chơi 03 lá bài thì người

chơi được quyền “tố”. Người chơi khác có quyền theo tố, mức tố có thể bằng số tiền người trước tố hoặc nhiều hơn, nếu không theo tố thì dừng chơi, úp bài xuống và chịu mất số tiền đã góp “gà” và tiền đã theo “tố”. Khi không còn ai theo “tố” thì người tố cuối cùng được toàn bộ tiền gà và số tiền của người theo tố. Nếu mọi người cùng “tố” bằng nhau thì sẽ so bài. Ai có điểm lớn nhất là thắng được lấy tiền gà và toàn bộ số tiền của những người theo tố bị thua.

Cách thức tính điểm từ người có bộ lá bài lớn nhất đến nhỏ nhất như sau: người chơi có ba lá bài có số giống nhau được gọi là “sáp”, nếu có từ 02 người chơi trở lên cùng được sáp thì sẽ so sánh giá trị quân bài theo thứ tự từ 02 đến A (bộ sáp Át sẽ là bộ to nhất); người chơi có 03 lá bài liên tiếp cùng chất hoặc khác chất được gọi là “liêng”, nếu có từ 02 người chơi trở lên cùng có bài liêng thì cũng so sánh giá trị quân bài lớn nhất như sáp (bộ A, 2, 3 là bộ nhỏ nhất, bộ Q1, K, A là bộ lớn nhất); người chơi có bộ bài 03 lá chỉ có các lá bài hình gồm J, Q, K (*nhưng không phải “sáp” hoặc “liêng”*) được gọi là “hình”; nếu không có sáp, liêng, hoặc hình thì người chơi phải cộng giá trị các quân trong bài để tính điểm. (*A: tính là 1 điểm; 10, J, Q, K tính là 0 điểm*), điểm của bài chỉ tính hàng đơn vị trong trường hợp cộng ba lá bài có số điểm lớn hơn 09. Trong trường hợp bài liêng bằng hàng nhau hoặc bài bằng điểm nhau sẽ so bài to, nhỏ theo “chất” theo thứ tự từ lớn đến bé là R, C2, B1, T7. Như vậy cách thức so bài để xác định thắng thua theo thứ tự từ lớn đến bé sẽ là: Sáp > Liêng > 9 > ... > 0.

Các bị cáo Nông Văn P; Đặng Văn T1; Nguyễn Văn T2; Hoàng Hữu B; Triệu Cần T4 đánh bạc tại nhà Phương Văn S1 đến 01 giờ 00 phút, ngày 02/01/2026 bị phát hiện, bắt quả tang. Tại thời điểm bắt quả tang, Cơ quan điều tra thu giữ tổng số tiền 25.800.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng*), trong đó: thu giữ trên chiếu bạc số tiền 17.800.000 đồng, thu giữ trên người Phương Văn S1 số tiền 7.000.000 đồng, thu giữ trên người Hoàng Hữu B số tiền 1.000.000 đồng.

Số tiền dùng vào việc đánh bạc: Nông Văn P mang theo 2.900.000 đồng (*Hai triệu chín trăm nghìn đồng*) sử dụng toàn bộ số tiền đánh bạc. Đặng Văn T1 mang theo 3.700.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm nghìn đồng*) sử dụng toàn bộ số tiền đánh bạc. Nguyễn Văn T2 mang theo 6.200.000 đồng (*Sáu triệu hai trăm nghìn đồng*) sử dụng toàn bộ số tiền đánh bạc. Hoàng Hữu B mang theo 3.200.000 đồng (*Ba triệu hai trăm nghìn đồng*), trong đó sử dụng 2.200.000 đồng đánh bạc, còn lại 1.000.000 đồng để trong người không sử dụng vào việc đánh bạc. Triệu Cần T4 mang theo 2.800.000 đồng (*Hai triệu tám trăm nghìn đồng*) sử dụng toàn bộ số tiền đánh bạc. Như vậy tổng số tiền đánh bạc là **17.800.000 đồng** (*Mười bảy triệu tám trăm nghìn đồng*).

Đối với Phương Văn S1 không tham gia đánh bạc cùng nhưng cho mượn địa điểm, cung cấp bài tú lơ khơ cho các bị cáo khác đánh bạc tại nhà ở của mình, Phương Văn S1 không được hưởng tiền hoặc lợi ích gì.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Tiền mặt Việt Nam đồng 25.800.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng*).

- 01 chiếc Chiếc nhựa màu xanh có hoa văn màu Trắng - Vàng, kích thước 2m x 4m và 01 bộ tú lơ khơ 52 quân.
- 01 chiếc điện thoại loại cảm ứng, nhãn hiệu ZTE, màu xanh không có ốp.
- 01 chiếc điện thoại loại cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu đen không có ốp.
- 01 chiếc điện thoại loại cảm ứng, nhãn hiệu VIVO, màu xanh có ốp màu trong suốt.
- 01 chiếc điện thoại loại cảm ứng, nhãn hiệu IPHONE, màu vàng có ốp màu trong suốt.
- 01 chiếc điện thoại loại cảm ứng, nhãn hiệu XIAOMI, màu xanh có ốp trong suốt.
- 01 chiếc điện thoại loại cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu xanh có ốp màu xanh đen.
- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại AIR BLADE, màu đỏ bạc, mang BKS: 22-N1 015.68.
- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại WAVE ZX, màu tím xanh, mang BKS: 23-H3 6293.
- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại WAVE ALPHA, màu xanh, mang BKS: 29-T8 2352.
- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại WINNER, màu đen, không có biển kiểm soát.

Tại biên bản xác định hiện trường các ngày 08/01/2026 xác định vị trí thực hiện hành vi đánh bạc phù hợp với lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKSTQ-KV ngày 29/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Nông Văn P; Đặng Văn T1; Nguyễn Văn T2; Hoàng Hữu B; Triệu Cần T4; Phương Văn S1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến phiên tòa, trên cơ sở phân tích các căn cứ quyết định hình phạt theo quy định của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử.

- Tuyên bố: *Bị cáo Nông Văn P; Đặng Văn T1; Nguyễn Văn T2; Hoàng Hữu B; Triệu Cần T4; Phương Văn S1 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025.*

- Về hình phạt chính:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị: Xử phạt bị cáo Nông Văn P, Đặng Văn T1, Hoàng Hữu B từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 02/01/2026.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 53 Bộ luật Hình sự, đề nghị: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2, Triệu Căn T4 10 tháng tù đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 02/01/2026.

Áp dụng Điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Buộc Nguyễn Văn T2 phải chấp hành hình phạt 09 tháng tù của Bản án số 20/2026/HS-PT ngày 08/01/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Tổng hợp với hình phạt của lần phạm tội này, Bị cáo Nguyễn Văn T2 phải chịu hình phạt từ 19 tháng tù đến 21 tháng tù, kể từ ngày tạm giữ 02/01/2026.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP. Xử phạt bị cáo Phương Văn S1 từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS.

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 17.800.000 đồng (*Mười bảy triệu tám trăm nghìn đồng*).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc chiếu nhựa màu Xanh có hoa văn màu Trắng - Vàng, kích thước 2m x 4m; 01 bộ tú lơ khơ 52 quân.

- Trả lại cho chủ sở hữu:

+ Trả cho Hoàng Hữu B số tiền 1.000.000đ; 01 chiếc điện thoại loại cảm ứng, nhãn hiệu ZTE, màu xanh không có ốp.

+ Trả cho Nông Văn P 01 chiếc điện thoại loại cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu đen không có ốp.

+ Trả cho Phương Văn S1 số tiền 7.000.000đ; 01 chiếc điện thoại loại cảm ứng, nhãn hiệu VIVO, màu xanh có ốp màu trong suốt.

+ Trả cho Triệu Căn T4 01 chiếc điện thoại loại cảm ứng, nhãn hiệu IPHONE, màu vàng có ốp màu trong suốt.

+ Trả cho Nguyễn Văn T2 01 chiếc điện thoại loại cảm ứng, nhãn hiệu XIAOMI, màu xanh có ốp trong suốt.

+ Trả cho Đặng Văn T1 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại WINNER, màu đen, không có biển kiểm soát; 01 chiếc điện thoại loại cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu xanh có ốp màu xanh đen.

+ Trả cho Nguyễn Văn C1 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại WAVE ALPHA, màu xanh, mang BKS: 29-T8 2352.

+ Trả cho Hoàng Văn S2 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại AIR BLADE, màu đỏ bạc, mang BKS: 22-N1 015.68.

+ Trả cho Nông Văn P2 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại WAVE

ZX, màu tím xanh, mang BKS: 23-H3 6293.

- Về trách nhiệm dân sự: Không.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Các bị cáo được miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo *Nông Văn P; Đặng Văn T1; Nguyễn Văn T2; Hoàng Hữu B; Triệu Cần T4; Phương Văn S1* nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên không có tranh luận đối đáp gì.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên không có tranh luận gì.

Các bị cáo thực hiện lời nói sau cùng đề nghị xem xét hoàn cảnh bản thân và gia đình khó khăn xin được giảm mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng Điều tra viên; Kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông *Hoàng Văn S2* có đơn xin vắng mặt, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án; căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng Hình sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3]. *Về căn cứ định tội, định khung hình phạt*: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Khoảng thời gian từ 18 giờ 30 phút ngày 01/01/2026 đến 01 giờ 00 phút ngày 02/01/2026 tại nhà của bị cáo *Phương Văn S1*, tại thôn K, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang. Do *Nông Văn P, Đặng Văn T1, Nguyễn Văn T2, Hoàng Hữu B, Triệu Cần T4* đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh Liêng được thua bằng tiền. Trong lúc đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an bắt quả tang. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là **17.800.000 đồng** (*Mười bảy triệu tám trăm nghìn đồng*). Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội *Đánh bạc* theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[4] *Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:* Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức để biết hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật. Nhưng xuất phát từ mong muốn kiếm tiền bằng con đường bất chính, bất chấp các quy định của pháp luật, các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức chơi Liêng, để nhằm thu lợi bằng tiền thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý của Nhà nước, nếp sống văn minh của xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, nên buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội mình đã gây ra. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào hành vi, nhân thân và số tiền của mỗi bị cáo dùng đánh bạc để đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[5] Qua phân xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo tuy không có sự bàn bạc trước, nhưng cùng thống nhất ý chí thực hiện hành vi phạm tội trong đó có 05 bị cáo đều là người thực hành, riêng Phương Văn S1 là người giúp sức.

[6] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:*

6.1 *Đối với bị cáo Nông Văn P:* Là người khởi xướng việc đánh bạc và trực tiếp tham gia đánh bạc số tiền **2.900.000 đồng**, bị cáo biết việc hình thức chơi Liêng bằng hình thức sát phạt thắng thua bằng tiền bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố tình tham gia đánh bạc cùng với các bị cáo khác. Xét cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Như vậy bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng. Hội đồng xét xử xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

6.2 *Đối với bị cáo Đặng Văn T1:* Biết việc đánh bạc dưới mọi hình thức đều bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vẫn cố tình tham gia đánh bạc số tiền **3.700.000 đồng** cùng với các bị cáo khác là tiếp tay cho tệ nạn cờ bạc, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Xét cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Như vậy bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng. Hội đồng xét xử xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

6.3 *Đối với bị cáo Nguyễn Văn T2:* Biết việc đánh bạc là Nhà nước nghiêm cấm nhưng vẫn cố tình tham gia đánh bạc với số tiền **6.200.000 đồng**, bị cáo có nhân thân xấu đang chấp hành phạt tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, nhưng

không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội mới với lỗi cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Do vậy cần chuyển hình phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo bản án số 20/2026/HS-PT ngày 08/01/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng và tổng hợp hình phạt tù chung cho 02 bản án. Xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Như vậy bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

6.4 *Đối với bị cáo Hoàng Hữu B*: Biết việc đánh bạc bị nhà nước cấm và xử phạt nghiêm khắc nhưng vẫn tham gia đánh bạc số tiền **2.200.000 đồng** là tiếp tay cho tệ nạn cờ bạc trong xã hội; bị cáo có nhân thân xấu năm 2015 đã bị Tòa án huyện N, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 07 (*bảy*) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội về hành vi Đánh bạc, chứng tỏ bị cáo là người khó cải tạo để trở thành công dân tốt cho xã hội. Cần cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội. Xét về tình tiết tăng nặng bị cáo không có. Xét về tình tiết giảm nhẹ, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

6.5 *Đối với bị cáo Triệu Cần T4*: Bị cáo biết việc đánh bạc là Nhà nước cấm nhưng vẫn tham gia đánh bạc số tiền **2.800.000 đồng**, bị cáo có nhân thân xấu 01 tiền sự xử phạt về hành vi Đánh bạc, hình thức chơi Liêng, mức phạt 1.500.000 đồng theo Quyết định XPVPHC số 14/QĐ-XPHC ngày 03/12/2025 của Công an xã C, tỉnh Tuyên Quang và 01 tiền án xử phạt 07 (*bảy*) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo Bản án số 12/2019/HS-ST ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang, chưa được xóa án tích nhưng nay lại phạm tội với lỗi cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử, xét thấy cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội. Về tình tiết giảm nhẹ, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nông Văn P; Đặng Văn T1; Nguyễn Văn T2; Hoàng Hữu B; Triệu Cần T4 đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh T. Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án theo quy định tại Điều 329 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

6.6. *Đối với bị cáo Phương Văn S1*: Trong vụ án này bị cáo không tham gia trực tiếp Đánh bạc, không phân công người canh gác giữa những người cùng thực hiện tội phạm, không thu tiền hồ hoặc khoản tiền gì khác để đảm bảo cho việc đánh bạc. Nhưng bị cáo cho mượn địa điểm tại nhà thuộc quyền sở hữu quản lý của mình và cung cấp 01 bộ tú lơ khơ 52 quân bài cho các bị cáo thực hiện hình thức đánh Liêng ăn tiền, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Đánh bạc. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự; bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Ngoài ra bị cáo là lao động chính trong gia đình và bố vợ bị cáo ông Triệu Quốc K2 tham gia Bí thư chi bộ hằng năm được tặng nhiều giấy khen cấp xã cấp huyện từ năm 2021 đến 2026 và gia đình bị cáo chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước nên từ năm 2018 đến năm 2024 được công nhận là Gia đình văn hóa nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng không cần thiết cách ly ra khỏi xã hội, mà cho bị cáo ở ngoài cộng đồng dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Bị cáo Phương Văn S1 đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo xử phạt tù nhưng được hưởng án treo nên hủy bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo quy định tại Điều 125, 278 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

[7] *Trong vụ án này còn có một số hành vi và đối tượng liên quan:*

Đối với bị cáo S1 cho các bị cáo khác mượn địa điểm Đánh bạc đã bị xử lý về hành vi đồng phạm tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Hành vi cho mượn địa điểm cho 05 bị cáo khác đánh bạc với số tiền dưới 20.000.000 đồng mà không tổ chức cầm cố tài sản, bố trí canh gác... không đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức Đánh bạc hoặc gá bạc theo quy định tại Điều 322 của Bộ luật Hình sự.

[8] *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 50.000.000đ*”. Tuy nhiên, theo tài liệu, chứng cứ và lời khai các bị cáo tại phiên tòa thì các bị cáo đều là người dân lao động tự do, thu nhập không ổn định, sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn là người dân tộc thiểu số. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[9] *Về xử lý vật chứng*:

[9.1] Đối với số tiền 17.800.000đ (*Mười bảy triệu tám trăm nghìn đồng*). Hội đồng xét xử xác định đây là công cụ phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[9.2] Đối với 01 Chiếc nhựa màu xanh có hoa văn màu Trắng - Vàng và 01 bộ tú lơ khơ 52 quân là công cụ phạm tội không có giá trị sử dụng tuyên tịch thu tiêu hủy.

[9.3] Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định tài sản của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án do các bị cáo mượn và mang theo không sử dụng vào mục đích Đánh bạc. Hội đồng xét xử, xét thấy cần tuyên trả lại tài sản cho chủ sở hữu là phù hợp gồm:

- Trả lại tài sản cho bị cáo Nông Văn P 01 điện thoại loại cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu đen không có ốp.

- Trả lại tài sản cho bị cáo Đặng Văn T1 01 điện thoại loại cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu xanh và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại WINNER, màu đen, không có biển kiểm soát.

- Trả lại tài sản cho bị cáo Nguyễn Văn T2 01 điện thoại loại cảm ứng, nhãn hiệu XIAOMI, màu xanh có ốp trong suốt.

- Trả lại tài sản cho bị cáo Hoàng Hữu B số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) và 01 điện thoại loại cảm ứng, nhãn hiệu ZTE, màu xanh không có ốp.

- Trả lại tài sản cho bị cáo Triệu Cần T4 01 điện thoại loại cảm ứng, nhãn hiệu IPHONE, màu vàng có ốp màu trong suốt.

- Trả lại tài sản cho bị cáo Phương Văn S1 số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) và 01 điện thoại loại cảm ứng, nhãn hiệu VIVO, màu xanh có ốp màu trong suốt.

- Trả lại tài sản cho ông Nguyễn Văn C1 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại WAVE ALPHA, màu xanh, mang BKS: 29-T8 2352.

- Trả lại tài sản cho ông Nông Văn P2 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại WAVE ZX, màu tím xanh, mang BKS: 23-H3 6293.

- Trả lại tài sản cho ông Hoàng Văn S2 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại AIR BLADE, màu đỏ bạc, mang BKS: 22-N1 015.68.

[9] Từ những căn cứ trên, xét thấy đại diện Viện Kiểm sát đề nghị là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử là có căn cứ nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Các bị cáo sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn là người dân tộc thiểu số và có đơn đề nghị miễn nộp án phí. Hội đồng xét xử xét thấy cần miễn toàn bộ tiền án phí theo quy định của pháp luật.

[11] Quyền kháng cáo: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn P; Đặng Văn T1; Nguyễn Văn T2; Hoàng Hữu B; Triệu Cần T4; Phương Văn S1 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nông Văn P 10** (Mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 02/01/2026.

Xử phạt bị cáo **Đặng Văn T1 10** (Mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 02/01/2026.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 53, Điều 56, Điều 58, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T2 12** (Mười hai) tháng tù và 09 (Chín) tháng tù tại bản án phúc thẩm số 20/2026/HS-PT ngày 08/01/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Tổng hợp hình phạt cho hai bản án là **21** (Hai mươi một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 02/01/2026.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Hoàng Hữu B 08** (T8) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 02/01/2026.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 53, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Triệu Căn T4 11** (Mười một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 02/01/2026.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phương Văn S1 07** (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo *Phương Văn S1* cho UBND xã Đ, tỉnh Tuyên Quang **giáo dục** người được hưởng án treo; giao cho Công an xã Đ, tỉnh Tuyên Quang **giám sát** người được hưởng án treo.

Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp chính quyền địa phương trong việc giám sát người được hưởng án treo, trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3. Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

- *Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:* Số tiền 17.800.000đ (Mười bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

- *Tịch thu tiêu hủy:* 01 chiếc Chiếc nhựa màu Xanh có hoa văn màu Trắng -

Vàng, kích thước 2m x 4m và 01 bộ tú lơ khơ 52 quân.

- Trả lại tài sản cho bị cáo Nông Văn P 01 (một) chiếc điện thoại loại cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu đen không có ốp màn hình bị vỡ, điện thoại cũ qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động.

- Trả lại tài sản cho bị cáo Đặng Văn T1 01 (một) chiếc điện thoại loại cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu xanh có ốp màu xanh đen điện thoại cũ qua sử dụng không kiểm tra chất lượng hoạt động và 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại WINNER, màu đen, không có biển kiểm soát có số khung: RLHKC3710MY124843, số máy: KC34E1252434. Vỏ xe: Cách yếm phải có 01 vết nứt vỡ dài 10cm, đã dán băng dính đen để che giấu vết nứt vỡ, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động.

- Trả lại tài sản cho bị cáo Nguyễn Văn T2 01 (một) chiếc điện thoại loại cảm ứng, nhãn hiệu XIAOMI Redmi, màu xanh có ốp trong suốt màn hình bị xước, điện thoại cũ qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động.

- Trả lại tài sản cho bị cáo Hoàng Hữu B số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) và 01 (một) chiếc điện thoại loại cảm ứng, nhãn hiệu ZTE, màu xanh không có ốp màn hình bị vỡ điện thoại cũ qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động.

- Trả lại tài sản cho bị cáo Triệu Cần T4 01 (một) chiếc điện thoại loại cảm ứng, nhãn hiệu IPHONE, màu vàng có ốp màu trong suốt màn hình bị xước điện thoại cũ qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động.

- Trả lại tài sản cho bị cáo Phương Văn S1 số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) và 01 (một) chiếc điện thoại loại cảm ứng, nhãn hiệu VIVO, màu xanh có ốp màu trong suốt màn hình bị xước, điện thoại cũ qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động.

- Trả lại tài sản cho ông Nguyễn Văn C1 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại WAVE ALPHA, màu xanh, mang BKS: 29-T8 2352 có số khung: RLHHC09023Y486538, số máy: HC09E-0486707 xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động.

- Trả lại tài sản cho ông Nông Văn P2 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại WAVE ZX, màu tím xanh, mang BKS: 23-H3 6293 có số khung: HHC09003Y097011, số máy: HC09E-0097077 vỏ xe: Dè (A) chắn bùn trước xe có nhiều vết xước, cánh yếm bên phải có 02 vết nứt vỡ được dán băng dính đen để che giấu vết nứt vỡ và bắn ghim để hàn gắn vết nứt vỡ; tấm chụp ổ khóa có 01 vết nứt vỡ, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động.

- Trả lại tài sản cho ông Hoàng Văn S2 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại AIR BLADE, màu đỏ bạc, mang BKS: 22-N1 015.68 có số khung: RLHJF2703BY165453, số máy: JF27E-1051919, ốp sườn phải có 01 vết xước xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động.

(*Tình trạng vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/6/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.*)

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Hình sự; Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo *Nông Văn P; Đặng Văn T1; Nguyễn Văn T2; Hoàng Hữu B; Triệu Cần T4; Phương Văn S1* được miễn nộp toàn bộ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; nếu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 7 - Tuyên Quang;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng PV06 CA tỉnh Tuyên Quang;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Đ, tỉnh Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Đảng ủy xã Đ - Tuyên Quang;
- Chi bộ Thôn K, xã Đ;
- Trại tạm giam số 2 CA tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Dương Văn Công